

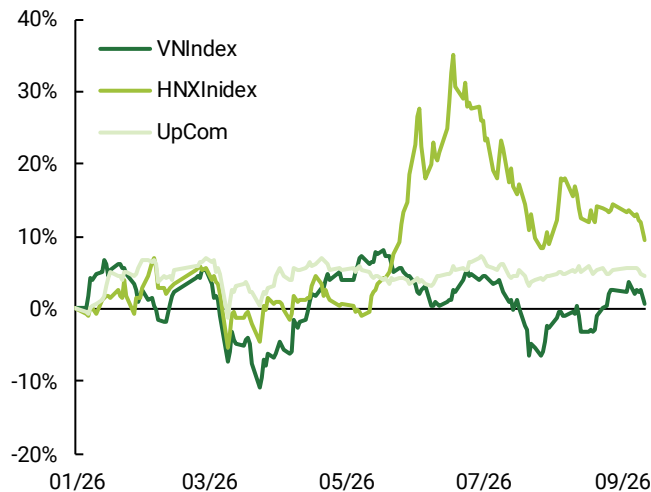
VN-Index **1795.21 (-1.86%)**
755 Tr. cổ phiếu 17078.4 Tỷ VND (24.99%)

HNX-Index **272.68 (-2.04%)**
55 Tr. cổ phiếu 907.4 Tỷ VND (36.97%)

UPCOM-Index **126.55 (-0.25%)**
68 Tr. cổ phiếu 895.5 Tỷ VND (176.04%)

VN30F1M **1940.00 (-1.80%)**
220,441 HD OI: 30,378 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1795.2, giảm -34.0 điểm (-1.86%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế, trong bối cảnh giá dầu thế giới cùng lợi suất trái phiếu leo thang trước diễn biến căng thẳng địa chính trị.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: PVD (+0.3%), BSR (+1.7%) | Bảo hiểm: BVH (+1.6%). Diễn biến yếu tr ong phiên: Bất động sản: NVL (-5.1%), BCM (-4.5%), DXG (-4.4%) | Ngân hàng: VIB (-3.3%), LPB (-3.0%), TCB (-2.5%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-3.4%), MSN (-3.2%), DBC (-3.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (-4.4%), VSC (-4.1%), GEE (-3.0%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-2.0%), POW (-1.9%), NT2 (-1.4%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | BSR, SSB, BVH, AST, STG - Chiều giảm | VIC, VHM, GVR, VCB, BID.
- Khối ngoại Bán ròng gần 860 tỷ đồng, tập trung nhiều ở STB, MBB, VPB, trong khi mua ròng BSR, VIC, DGW.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền giảm Marubozu, cùng thanh khoản vượt trên ngưỡng bình quân 20 phiên, cho thấy cung bán chủ động. Về kỹ thuật, việc VN-Index không thể vượt được ngưỡng 1845 điểm các phiên trước đã tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh, trong khi diễn biến địa chính trị trở thành yếu tố xác nhận cho áp lực giảm. Chỉ số hiện đã hạ nhiệt về vùng 1780-1800 điểm, đây là khu vực hỗ trợ quan trọng đối với xu hướng. Phản ứng giằng co, kiểm định cung cầu khả năng chi phối các phiên tới. Nếu đánh mất vùng này, đà giảm có khả năng mở rộng về khu vực 1700 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng chịu áp lực điều chỉnh và hạ nhiệt về khu vực hỗ trợ quan trọng quanh vùng 270 - 274 điểm. Nếu mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- Chiến lược:** Sự phân hóa đang gia tăng, nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu. Nếu xuất hiện mã sập gãy, cần cân nhắc hạ bớt tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Ngược lại, với những cổ phiếu vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, nên thận trọng và tránh mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh; chỉ cân nhắc thăm dò khi tín hiệu cân bằng thật sự rõ ràng. Tỷ trọng danh mục tổng thể nên đưa về quanh mức trung bình.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ SAB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,795.2 ▼	-1.9%	-3.1%	1.2%	17,078.4 ▲	25.0%	2.0%	6.5%	754.9 ▲	40.9%	21.8%	17.6%				
HNX-Index	272.7 ▼	-2.0%	-3.5%	-6.3%	907.4 ▲	37.0%	40.4%	12.3%	54.8 ▲	36.5%	30.2%	19.6%				
UPCOM-Index	126.6 ▼	-0.3%	-1.1%	-0.5%	895.5 ▲	176.0%	71.7%	132.9%	67.6 ▲	299.1%	79.3%	156.6%				
VN30	1,936.7 ▼	-2.0%	-2.4%	0.7%	10,019.5 ▲	16.2%	-6.3%	18.3%	308.8 ▲	34.5%	5.1%	24.6%				
VNMID	1,875.8 ▼	-2.2%	-3.9%	-3.9%	6,033.7 ▲	47.4%	18.0%	1.1%	317.3 ▲	62.5%	18.1%	8.7%				
VNSML	1,222.8 ▼	-1.3%	-2.3%	-3.5%	672.5 ▼	-1.5%	13.0%	-35.1%	61.0 ▲	15.8%	33.4%	-29.0%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	621.5 ▼	-1.7%	-2.36%	-1.9%	5,022.1 ▲	34.6%	11.5%	14.2%	216.9 ▲	34.8%	10.0%	10.0%				
Bất động sản	1,036.2 ▼	-1.9%	-4.8%	10.4%	3,100.9 ▬	0.8%	-8.6%	2.0%	116.1 ▲	64.5%	18.7%	28.9%				
Dịch vụ tài chính	271.6 ▼	-3.6%	-5.2%	-6.7%	2,372.3 ▲	79.4%	27.5%	17.3%	128.5 ▲	75.8%	24.5%	16.9%				
Công nghiệp	224.0 ▼	-1.9%	-1.8%	-6.4%	843.0 ▲	30.6%	16.7%	-3.3%	36.0 ▲	32.0%	19.8%	9.4%				
Tài nguyên cơ bản	470.8 ▼	-2.4%	-1.8%	-3.3%	651.4 ▲	64.1%	17.6%	23.8%	36.7 ▲	73.1%	21.4%	28.3%				
Xây dựng - Vật Liệu	153.0 ▼	-1.5%	-2.4%	-4.6%	497.2 ▲	57.4%	33.6%	21.6%	36.4 ▲	90.2%	52.2%	46.6%				
Thực phẩm	489.1 ▼	-1.7%	-2.1%	-0.2%	869.0 ▼	-16.5%	-3.1%	-11.3%	21.5 ▼	-36.3%	-17.3%	-12.3%				
Bán Lẻ	1,356.7 ▼	-2.3%	-3.7%	-6.9%	641.0 ▼	-0.4%	12.6%	22.3%	11.0 ▲	8.1%	20.4%	39.4%				
Công nghệ	391.2 ▼	-2.4%	-0.3%	1.4%	540.3 ▼	-44.1%	-13.2%	4.8%	7.9 ▼	-42.0%	-20.0%	-14.8%				
Hóa chất	162.0 ▼	-3.6%	-3.2%	-1.7%	506.0 ▲	79.7%	28.2%	55.8%	19.2 ▲	85.4%	29.1%	62.5%				
Tiện ích	749.4 ▼	-1.6%	-1.2%	1.6%	287.0 ▼	-18.0%	3.4%	-9.5%	12.4 ▼	-37.4%	0.6%	-9.7%				
Dầu khí	109.1 ▬	1.0%	1.2%	3.2%	844.8 ▲	89.3%	45.97%	61.7%	32.3 ▲	94.6%	48.6%	59.7%				
Dược phẩm	383.8 ▼	-1.1%	-1.7%	-2.2%	46.8 ▼	-35.3%	18.0%	5.4%	3.2 ▲	49.7%	18.4%	74.3%				
Bảo hiểm	101.1 ▲	1.1%	-1.9%	-2.3%	55.1 ▲	309.6%	104.8%	84.2%	1.1 ▲	328.1%	100.6%	78.8%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,795.2 ▼	-1.86%	0.6%	14.0x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,605 ▼	-0.65%	27.4%	15.2x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,541 ▼	-0.73%	-24.4%	14.7x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,510 ▼	-1.02%	1.7%	14.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,062 ▼	-0.61%	0.1%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,888 ▼	-1.18%	-2.0%	16.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,806 ▼	-0.60%	-3.2%	12.2x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,011 ▼	-1.93%	27.2%	21.3x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,592 ▼	-0.58%	10.9%	26.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	52,064 ▼	-0.60%	8.3%	22.7x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,672 ▬	0.60%	7.5%	14.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,317 ▬	0.76%	9.1%	17.0x	2.4x
DXV		99.2 ▬	0.35%	0.9%		
USDVND		25,919 ▼	-0.012%	-1.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

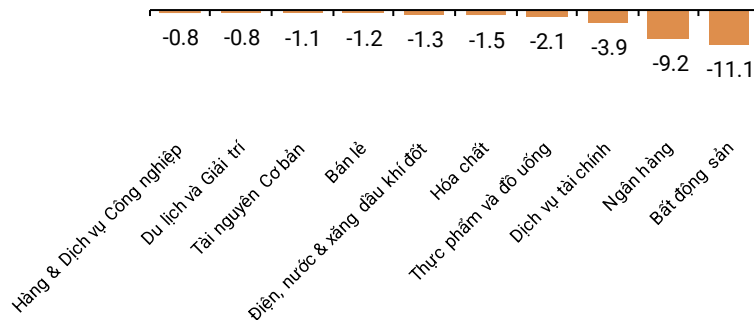
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-3.74%	16.5%	70.3%	56.1%
Dầu WTI	▼	-3.54%	18.8%	72.2%	58.5%
Khí gas	▼	-1.3%	1.0%	-24.1%	-4.7%
Than cốc (*)	▬	0.0%	26.6%	48.6%	48.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	3.2%	2.3%	-2.3%
PVC (*)	▼	-0.1%	9.2%	9.3%	4.2%
Phân Urea	▬	0.0%	9.3%	17.9%	7.2%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.1%	10.1%	35.2%	39.9%
Bông Cotton	▼	-1.4%	0.4%	29.8%	27.7%
Đường	▼	-1.4%	10.3%	23.0%	16.7%
World Container Index	▬	0.3%	4.2%	102.3%	119.0%
Baltic Dirty tanker Index	▲	11.9%	27.1%	156.6%	208.9%
Vàng	▬	0.44%	-0.7%	0.4%	19.4%
Bạc	▬	0.28%	-1.4%	-11.0%	53.5%

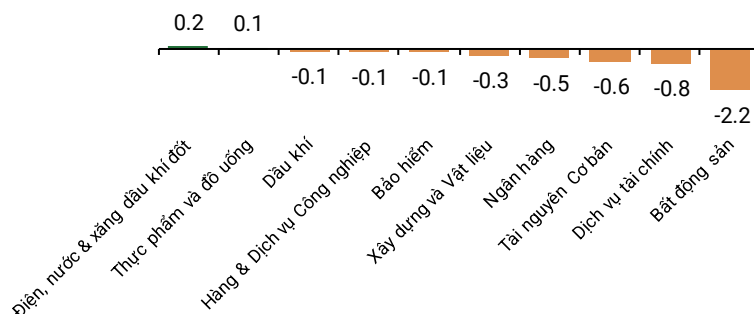
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

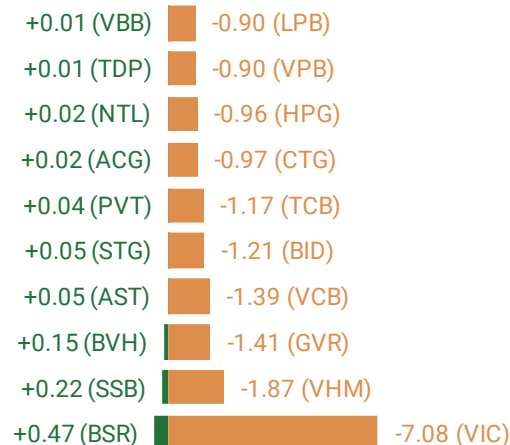
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



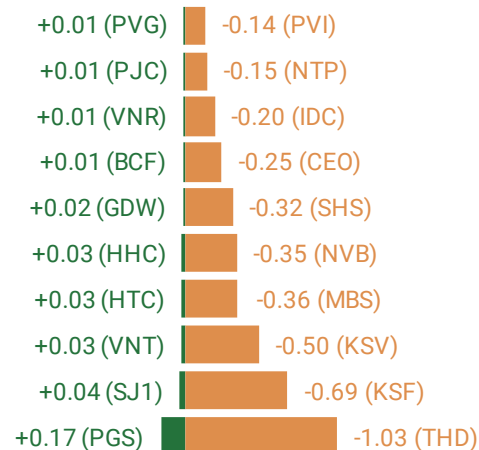
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

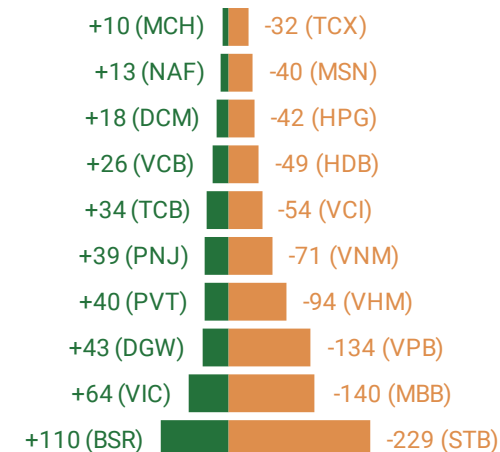


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

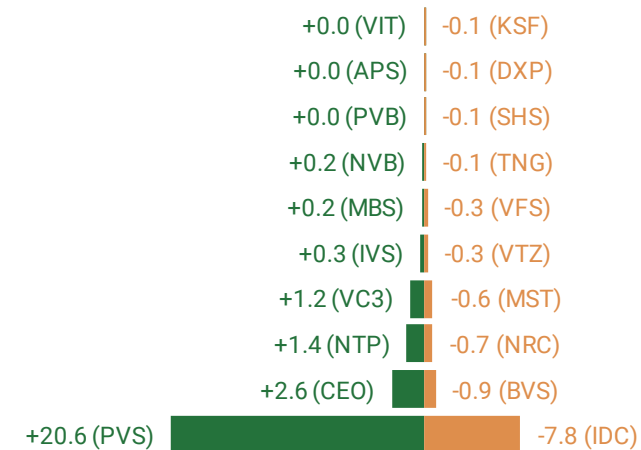


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

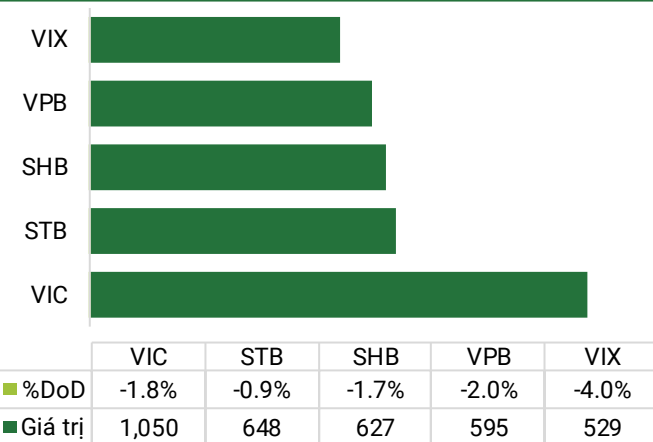
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



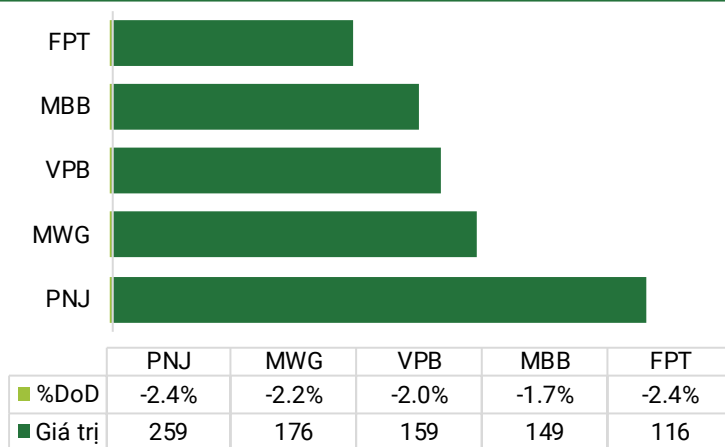
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

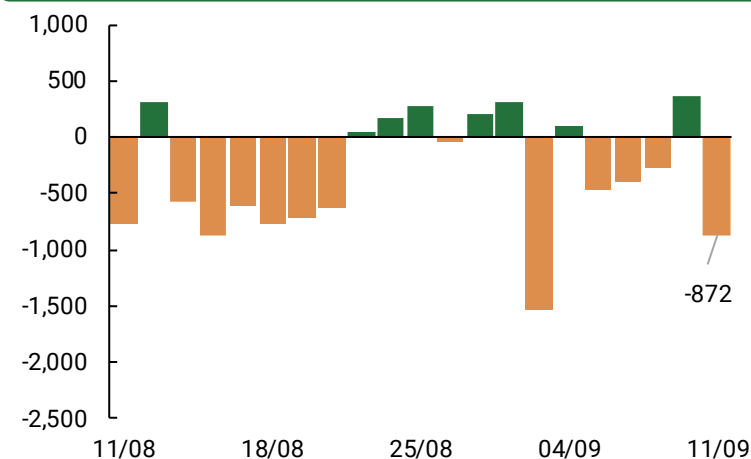


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

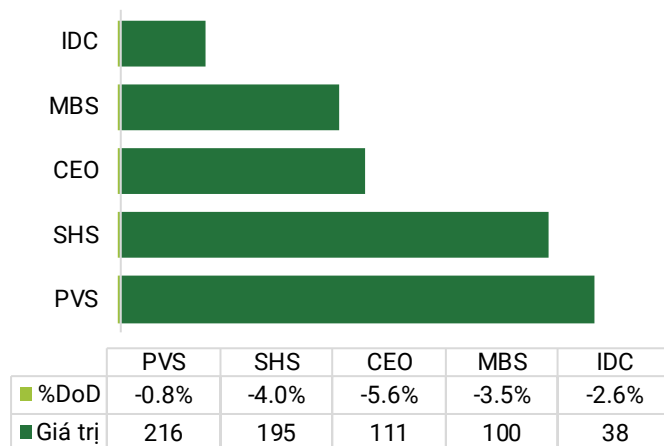


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

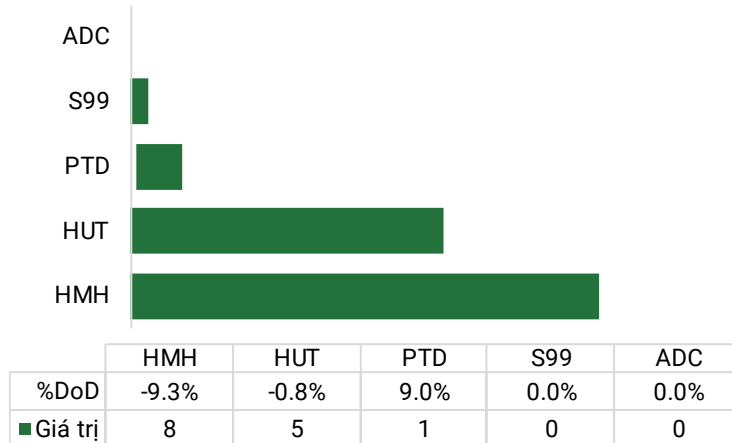
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



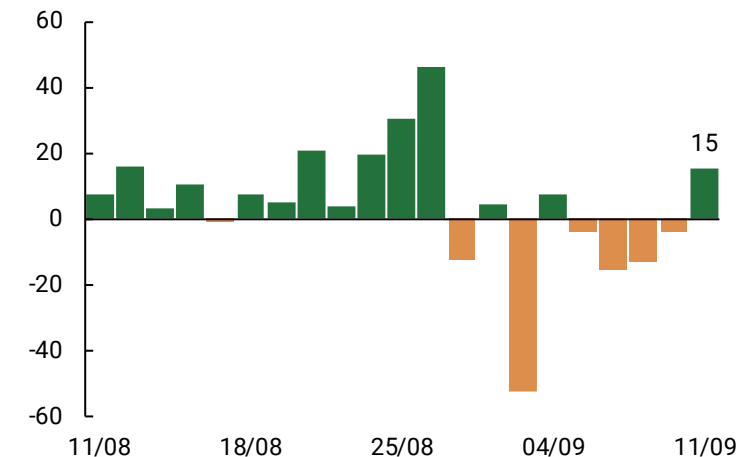
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Việc chỉ số không phục hồi được trên ngưỡng 1845 điểm đẩy áp lực điều chỉnh cao hơn, phù hợp kịch bản kỳ vọng. Hiện giá đã tiếp cận khu vực 1780 – 1800 điểm, khả năng xuất hiện phản ứng giằng co kiểm định cung cầu. Đây là vùng tương đối quan trọng cho xu hướng. Nếu đánh mất ngưỡng 1780, đà giảm có thể mở rộng về vùng tâm lý 1700 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm Marubozu, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 | 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Vận động không lấy lại ngưỡng 1980 điểm đẩy áp lực điều chỉnh cao hơn phù hợp kỳ vọng. Hiện chỉ số đã áp sát vùng hỗ trợ quan trọng quanh ngưỡng 1920 điểm. Nếu đánh mất ngưỡng này, đà giảm có thể tiếp tục mở rộng về khu vực 1840 – 1850 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio		
Ticker	SAB	CUT LOSS	Current price		43.85		P/E (x)	11.7	
Exchange	HOSE		Action price		45.6		P/B (x)	2.5	
Sector	Brewers		Selling price		(11/9)	44 - 44.6	-3.0%	EPS	3754.4
								ROE	22.0%
								Stock Rating	A
							Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá đánh mất ngưỡng MA50 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy cung bán chủ động.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giảm dưới ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng vi phạm.
 - Rủi ro thị trường: Độ rộng kém và sự phân hóa chi phối mạnh.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh gia tăng.
- ➔ Khuyến nghị Cắt lỗ, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Cắt lỗ	11/09/2026	43.85	44 - 44.6	-3.0%	50	9.6%	43.5	-4.6%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VGC	Mua	24/08/2026	-	41.0	40 - 41	1.2%	45	11.1%	38.5	-4.9%	
2	PHR	Mua	09/09/2026	-	32.8	33.3 - 33.6	-1.9%	36.5	9.1%	31.6	-5.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1940, giảm 35 điểm (-1.8%). Giá chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn duy trì dưới đường signal, trong khi RSI vận động dưới ngưỡng trung bình, cho thấy áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế. Tuy nhiên, RSI cũng gần tiếp cận mức quá bán, trong khi ở khung đồ thị 15 phút đã đạt mức quá bán. Điều này có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật. Vị thế Short nên chờ khi giá phục hồi và suy yếu dưới ngưỡng 1950, hoặc có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 1938. Vị thế Long cân nhắc khi giá phục hồi được trên ngưỡng 1962.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1846.1, giảm 33 điểm (-1.8%). Độ lệch basis 7.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 31 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1840 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1860 điểm.

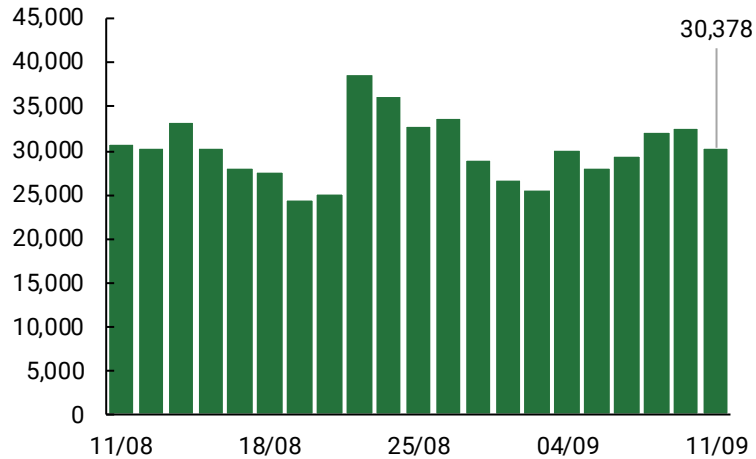
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1950	1936	1958	14 : 8
Short	< 1938	1925	1945	13 : 7
Long	> 1962	1976	1955	14 : 7

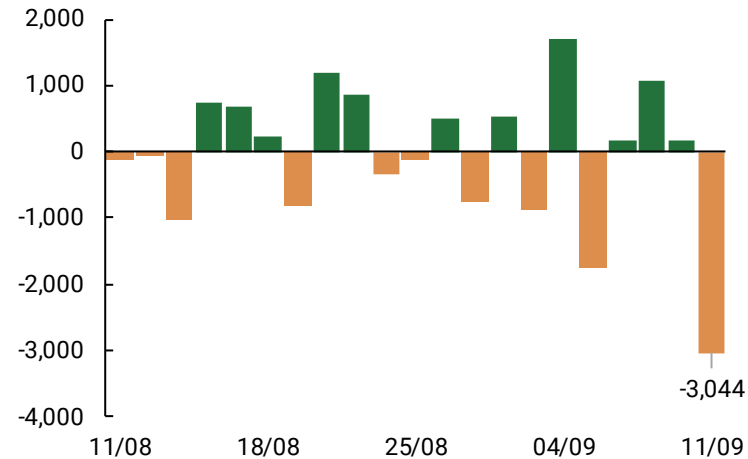
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
411H3000	1,940.1	-32.9	41	240	1,954.4	-14.3	18/03/2027	188
411GC000	1,944.5	-34.4	31	628	1,945.8	-1.3	17/12/2026	97
411GA000	1,939.8	-38.0	1,162	2,557	1,939.9	-0.1	15/10/2026	34
411G9000	1,940.0	-35.5	220,441	30,378	1,937.3	2.7	17/09/2026	6
4112G9000	1,846.1	-33.0	31	49	1,839.1	7.0	17/09/2026	6

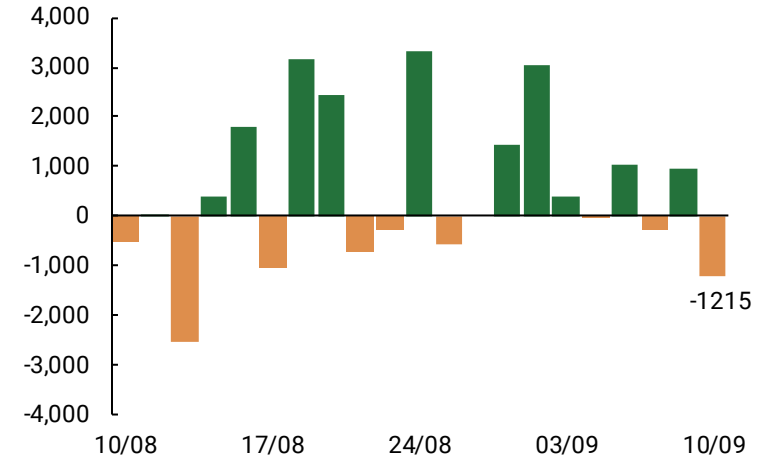
Khối lượng mở (Open interest)



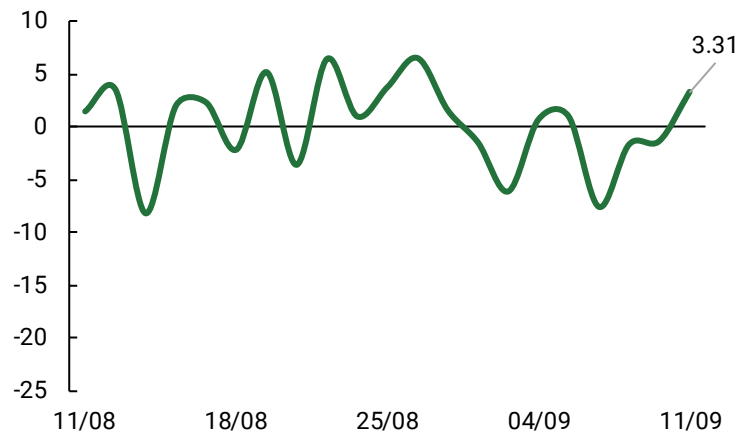
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



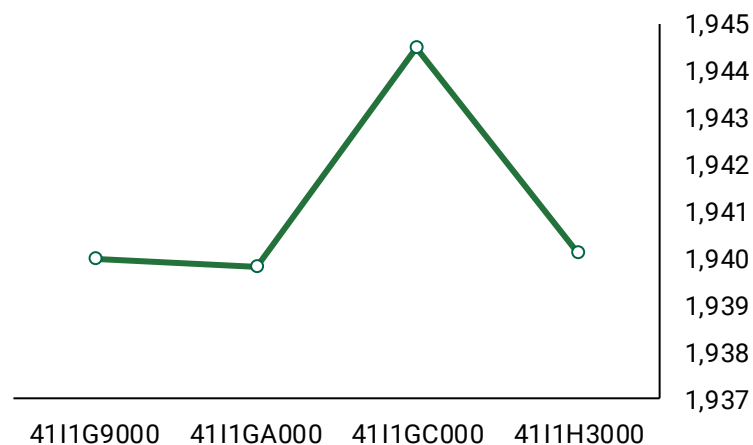
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



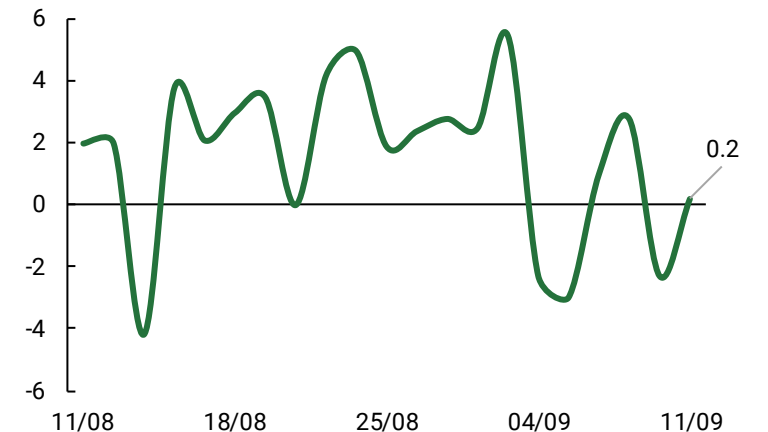
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Thương mại Việt Nam - Ấn Độ hướng tới mốc 25 tỷ USD vào năm 2030: Theo Bộ Công Thương, kim ngạch thương mại Việt Nam - Ấn Độ đạt 13.4 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2026, tăng 25% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 8.05 tỷ USD, tăng 16.9%, còn nhập khẩu đạt 5.37 tỷ USD, tăng 39.5%. Hai nước đặt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 25 tỷ USD vào năm 2030, trong bối cảnh Ấn Độ hiện là đối tác thương mại lớn thứ 8 của Việt Nam.

Việt Nam và Pháp ký thỏa thuận về vệ tinh, đường sắt và khoáng sản thiết yếu: Chiều 10/9, tại Điện Élysée, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Tổng thống Emmanuel Macron chứng kiến lễ trao nhiều văn kiện hợp tác giữa Việt Nam và Pháp. Các thỏa thuận đáng chú ý gồm ý định thư về cung cấp vệ tinh quan sát Trái đất, hợp tác trong lĩnh vực khoáng sản thiết yếu, thỏa thuận vay cho dự án quản lý tổng hợp nguồn nước tại Điện Biên và bản ghi nhớ thành lập Trường Công nghệ Đường sắt. Hai bên cũng ghi nhận các thỏa thuận hàng không liên quan đến Airbus, Vietnam Airlines, Vietravel Airlines và Vietjet Air.

ECB nâng lãi suất, cảnh báo rủi ro lạm phát từ giá năng lượng: Ngày 10/9, Ngân hàng Trung ương châu Âu nâng lãi suất cơ bản từ 2.25% lên 2.5%, đồng thời cảnh báo nguy cơ lạm phát cao hơn trong năm tới do căng thẳng Trung Đông gây sức ép lên thị trường năng lượng. ECB dự báo tăng trưởng khu vực đồng euro năm 2026 đạt 0.9%, cao hơn mức 0.8% đưa ra hồi tháng 6, nhưng lạm phát trung bình năm nay có thể ở mức 3%, cao hơn mục tiêu 2%. Giá Brent đã vượt 105 USD/thùng, trong khi giá khí đốt tại châu Âu cũng tăng mạnh.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FPT - Mua lại đơn vị phát triển phần mềm ô tô tại Ba Lan: FPT mua lại đơn vị thiết kế và phát triển tại Ba Lan của Nippon Seiki Europe, công ty con thuộc Tập đoàn Nippon Seiki - một trong những nhà cung cấp linh kiện ô tô lớn của Nhật Bản. Đơn vị mới sẽ tập trung vào phát triển phần mềm nhúng, phần mềm hiển thị kính lái, kỹ thuật hệ thống, kiến trúc phần mềm và kiểm thử trong lĩnh vực ô tô. Thương vụ giúp FPT mở rộng năng lực kỹ thuật tại châu Âu và củng cố chiến lược trong mảng xe định nghĩa bằng phần mềm.

VPB - Sắp nâng vốn điều lệ lên 100,000 tỷ đồng: VPBank chốt ngày 25/9/2026 để phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Ngân hàng dự kiến phát hành hơn 2.06 tỷ cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 26.04104%, qua đó nâng vốn điều lệ lên khoảng 100,000 tỷ đồng. Đây là đợt đầu tiên trong kế hoạch tăng vốn lên hơn 106,200 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thông qua trong năm 2026.

POM - Nhận hỗ trợ vốn từ Vinhomes, khởi động lại nhà máy: Pomina nhận hỗ trợ vốn hơn 1,000 tỷ đồng từ Vinhomes để khôi phục hoạt động sản xuất tại các nhà máy thép. Dù vậy, doanh nghiệp vẫn ghi nhận lỗ hơn 300 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2026 và tiếp tục đối mặt áp lực tài chính lớn. Khoản hỗ trợ từ nhóm Vinhomes hiện đóng vai trò quan trọng trong quá trình tái vận hành của Pomina.

F88 - Nhà sáng lập Mekong Capital rời HĐQT: F88 miễn nhiệm ông Christopher E. Freund, nhà sáng lập Mekong Capital, khỏi vị trí Thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân từ ngày 8/9/2026. Sau thay đổi này, HĐQT F88 còn 5 thành viên. Nửa đầu năm 2026, F88 ghi nhận LNST 545 tỷ đồng, tăng 114% YoY, trong khi dư nợ cho vay tăng 22% lên khoảng 8,830 tỷ đồng.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	27,550	31,150	13.1%	Tăng tỷ trọng
CTG	29,950	40,700	35.9%	Mua
CTD	58,000	82,900	42.9%	Mua
DBD	46,950	66,000	40.6%	Mua
DDV	17,461	35,900	105.6%	Mua
DGW	44,400	47,500	7.0%	Nắm giữ
DPG	27,050	42,300	56.4%	Mua
DPR	37,500	46,500	24.0%	Mua
DRI	14,446	17,200	19.1%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,700	14,400	23.1%	Mua
FRT	137,000	151,000	10.2%	Tăng tỷ trọng
GMD	74,600	88,900	19.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	46,000	58,300	26.7%	Mua
HDG	15,950	30,900	93.7%	Mua
HHV	9,540	11,700	22.6%	Mua
HPG	21,300	31,600	48.4%	Mua
IMP	36,100	54,400	50.7%	Mua
KDH	16,300	38,800	138.0%	Mua
MCH	141,800	148,500	4.7%	Nắm giữ
MWG	71,300	115,600	62.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	19,750	27,500	39.2%	Mua
NLG	24,700	39,400	59.5%	Mua
NT2	20,500	27,700	35.1%	Mua
PHR	32,800	39,500	20.4%	Mua
PNJ	37,300	75,500	102.4%	Mua
PVS	38,400	39,900	3.9%	Nắm giữ
PVT	22,100	26,000	17.6%	Tăng tỷ trọng
POW	12,600	17,500	38.9%	Mua
SAB	43,850	54,900	25.2%	Mua
SSI	20,300	31,200	53.7%	Mua
TLG	49,800	50,000	0.4%	Nắm giữ
TCB	31,600	41,700	32.0%	Mua
TCM	16,600	35,300	112.7%	Mua
TRC	81,800	91,800	12.2%	Tăng tỷ trọng
VCB	58,200	79,700	36.9%	Mua
VPB	26,950	36,500	35.4%	Mua
VCG	15,050	23,300	54.8%	Mua
VHC	50,200	58,000	15.5%	Tăng tỷ trọng
VNM	59,900	66,650	11.3%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415